

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2022/HS-ST
Ngày 28-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 279/2022/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Tấn C, sinh năm 1984 tại tỉnh B; thường trú: Số 404/16 khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1959 và bà Trần Thị U, sinh năm 1962; có vợ tên Nguyễn Thị Diễm L, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2010; có 03 em ruột (lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/5/2022 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 (mười lăm) năm tù về “tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 305/2022/HS-PT; bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Thủ Đức (Z30D). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH Một thành viên chuyên phát nhanh Th; trụ sở: Số 199 đường Đ, Phường 15, quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Thị Khánh Ph; địa chỉ: 22-24 H, phường Phú C, thành phố T, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2022). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị U, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 1092/4A2 tỉnh lộ 43, phường B, thành phố Th, Thành phố H. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

- 1/ Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1994. Vắng mặt.
- 2/ Phan Kim Ng, sinh năm 1990. Vắng mặt.
- 3/ Phan Thanh H, sinh năm 1981. Vắng mặt.
- 4/ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1985. Vắng mặt.
- 5/ Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1984. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tấn C làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh Th (gọi tắt là Công ty Th) từ ngày 20/11/2018. Ngày 01/12/2018, C được điều động làm Trưởng Bưu cục Dĩ An, trực thuộc Công ty Th – Chi nhánh Bình Dương có trụ sở tại số 462 đường Nguyễn An Ninh, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. C là người có nhiệm vụ và quyền hạn trong toàn bộ việc quản lý nhân sự, vận hành, tài chính của Bưu cục Dĩ An. Trưởng Bưu cục là người chịu trách nhiệm chuyển tiền về công ty bằng hình thức chuyển khoản hoặc trực tiếp. Theo quy định của công ty tiền thu của bưu cục ngày hôm trước phải chuyển về công ty trước 10 giờ 00 phút ngày hôm sau.

Trong thời gian từ ngày 22/02/2019 đến ngày 26/02/2019, C yêu cầu các nhân viên giao nhận hàng của Bưu cục Dĩ An đưa cho C số tiền thu hộ của khách hàng là 167.133.829 đồng và số tiền cước là 2.150.764 đồng. Tổng số tiền là 169.284.593 đồng để C chuyển về cho Công ty Th. Tuy nhiên, C không chuyển số tiền cho Công ty Th theo quy định mà dùng vào việc cá nhân và tiêu xài. Ngày 27/02/2019, Công ty Th phát hiện C không chuyển tiền về công ty nên bộ phận nghiệp vụ và kinh doanh của Công ty Th đến Bưu cục Dĩ An làm việc thì C thừa nhận hành vi và trả lại số tiền 20.672.000 đồng, tổng số tiền còn lại là 148.612.593 đồng. Ngày 06/03/2019, Công ty Th trình báo sự việc đến Công an thành phố Dĩ An. Ngày 22/04/2019, C trả lại cho Công ty Th số tiền là 50.000.000 đồng; số tiền C còn lại là 98.612.593 đồng, sau đó C tự ý nghỉ việc tại công ty.

Ngày 01/07/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy nã với Lê Tấn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 02/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can. Ngày 22/04/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục điều tra bị can. Ngày 04/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can Lê Tấn C từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” sang tội “Tham ô tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng số 304/CT-VKS ngày 07/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Tấn C về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo C từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Công ty Th yêu cầu Lê Tấn C bồi thường số tiền còn lại là 98.612.593 đồng. Trước khi Tòa án xét xử mẹ của bị cáo là bà Trần Thị U đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 40.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002251 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Dĩ An. Do đó, bị cáo C còn phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Th số tiền 58.612.593 đồng.

Bà Trần Thị U tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình tố tụng bị cáo có đơn xin vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị cáo Lê Tấn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30D). Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Phạm Thị Khánh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thị U có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp lời khai. Căn cứ các Điều 290; 292 và 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Lê Tấn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 22/02/2019 đến ngày 26/02/2019, bị cáo C lợi dụng chức vụ Trưởng Bureau Dĩ An để chiếm đoạt số tiền 169.284.593 đồng. Toàn bộ số tiền này bị cáo C phải có trách nhiệm chuyển về cho Công ty Th nhưng bị cáo đã chiếm đoạt để tiêu xài. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cụ thể:

Từ ngày 22/02/2019 đến ngày 24/02/2019 bị cáo chiếm đoạt số tiền thu hộ (Cod) là 108.994.654 đồng; ngày 25/02/2022 bị cáo chiếm đoạt số tiền thu hộ (Cod) là 41.139.175 đồng; ngày 26/02/2019 bị cáo chiếm đoạt số tiền thu hộ (Cod) là 17.000.000 đồng; từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 bị cáo chiếm đoạt tiền cược là 2.150.764 đồng. Như vậy, có căn cứ khẳng định hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý của bị cáo C với số tiền 169.284.593 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” được quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 304/CT-VKS ngày 07/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Tấn C là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã khắc phục được phần lớn thiệt hại xảy ra cho bị hại (65%). Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về nhân thân: Cùng thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức. Ngày 12/5/2022 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 (mười lăm) năm tù về “tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thủ Đức (Z30D).

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo C hiện đang chấp hành án theo bản án số 305/2022/HS-PT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, sau khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Th yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền còn lại là 98.612.593 đồng. Trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử mẹ của bị cáo là bà Trần Thị Ước đã bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 40.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002251 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Dĩ An. Do đó, bị cáo Lê Tấn C còn phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Th số tiền còn lại là 58.612.593 đồng.

[10] Bà Trần Thị Ư đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Lê Tấn C số tiền 40.000.000 đồng, bà Ư không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà số tiền này. Xét, đây là sự tự nguyện của bà Ư nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tấn C phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Tấn C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm tù theo Bản án hình sự số 305/2022/HS-PT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Lê Tấn C phải bồi thường cho bị hại Công ty TNHH Một thành viên chuyên phát nhanh Th số tiền 58.612.593đ (năm mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Công ty TNHH Một thành viên chuyển phát nhanh Th được nhận số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002251 ngày 20/9/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Ư về việc không yêu cầu bị cáo Lê Tấn C phải trả lại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

6. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Tấn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.930.630đ (hai triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Dĩ An (1);
- Công an Tp. Dĩ An (1);
- Chi cục THADS Tp. Dĩ An (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (1);
- TAND tỉnh BD (1);
- UBND xã, phường (1);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (1);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng (2);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân